

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 121/2024/DS-PT
Ngày 04 – 9 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Giang Thị Cẩm Thuý

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2024/TLPT-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Huỳnh Thị P: Ông Võ Minh T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số A khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số B, ấp A, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn B: Bà Du Thị B1 – Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh C.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Ông Nguyễn Quốc T2, sinh năm 1974. Đăng ký thường trú: ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nơi ở hiện nay: ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Bà Huỳnh Thị P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị P và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do bà P nhận chuyển nhượng của ông B vào năm 1998, việc chuyển nhượng thoả thuận miệng với nhau, diện tích đất 04 công, giá 10 lượng vàng 24k quy ra thành tiền là 80 triệu, đất tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Bà P đã giao tiền cho ông B hai lần, lần thứ nhất vào tháng 6/1998 trả 20 triệu đồng; lần hai giao tiền vào tháng 10/1998 trả 60 triệu đồng; đồng thời, ông B cũng đã giao toàn bộ diện tích đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P quản lý, việc giao đất không có đo đạc thực tế. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì bà P cho ông T3 mượn đất để canh tác, năm 2010 thì ông T3 chết; nên bà P kêu vợ chồng bà T1 về canh tác đất cho đến nay. Khi bà P giao tiền cho ông B không có làm bất cứ giấy tờ biên nhận gì, tuy nhiên việc giao nhận tiền lần thứ hai có bà Huỳnh Thị T1 chứng kiến. Hiện tại bà P đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B. Bà P đã nhiều lần yêu cầu ông B thực hiện việc sang tên nhưng ông B không thực hiện.

Nay bà P yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P với ông B đối với diện tích đất qua đo đạc thực tế là 6.321,3m² (theo bản vẽ phần đất tranh chấp ngày 05/03/2023), đất tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Trường hợp Tòa án không công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất thì bà P đồng ý giao trả lại ông B toàn bộ diện tích đất mà ông B đã chuyển nhượng cho bà (theo bản vẽ phần đất tranh chấp ngày 05/03/2023), đồng thời bà P yêu cầu ông B trả lại cho bà 10 lượng vàng 24K.

Đối với việc ông B yêu cầu bà giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B thì bà P yêu cầu ông B giao trả cho bà 10 lượng vàng 24K, bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B.

Bị đơn ông Huỳnh Văn B trình bày: Ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P. Ông B xác định giữa ông và bà P không có thỏa thuận bất cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cũng như không có việc giao nhận tiền như bà P trình bày. Từ năm 1998, ông có cho em trai là Huỳnh Văn T4 mượn đất để canh tác. Năm 2002, ông có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T4 và nhờ T4 làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Tuy nhiên, sau đó ông T4 vẫn chưa giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Ông không biết lý do vì sao bà P lại giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông. Năm 2010 ông T4 chết thì

ông có nói với bà P kêu vợ chồng bà Huỳnh Thị T1 về ông cho mượn đất để canh tác cho đến nay.

Ông yêu cầu bà P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất đang tranh chấp. Yêu cầu bà Huỳnh Thị T1 và ông Nguyễn Quốc T2 trả lại toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp qua đo đạc thực tế là 6.321,3m² (theo bản vẽ phần đất tranh chấp ngày 05/03/2023), đất tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Bà đồng ý trả đất cho ông B khi ông B trả cho bà P 10 lượng vàng 24K. Đối với tài sản trên đất thì bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phải trả lại đất thì vợ chồng bà tự tháo dỡ căn nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc T2 trình bày: Trường hợp Tòa án giải quyết tranh chấp buộc giao đất trả lại cho ông B thì ông đồng ý giao đất trả lại cho ông B. Đối với tài sản trên đất là căn nhà và công xỏ vuông không phải là tài sản của ông, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DSST ngày 14 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P đối với ông Huỳnh Văn B về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị P và ông Huỳnh Văn B.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn B. Buộc bà Huỳnh Thị P giao trả lại cho ông Huỳnh Văn B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H397758 do Ủy ban nhân dân huyện G (nay là huyện Đ), tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Huỳnh Văn B đối với diện tích đất 7000m² tại thửa số 0018, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc bà Huỳnh Thị T1, ông Nguyễn Quốc T2 tháo dỡ căn nhà ngang 4m, dài 4m xây dựng bằng cây gỗ địa phương, giao trả lại cho ông Huỳnh Văn B phần đất tranh chấp diện tích 6321.3m² thuộc một phần thửa số 18, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

+ Hướng đông giáp đất ông Huỳnh Văn D đang sử dụng có số đo là 78.56m;

+ Hướng tây giáp đất ông Ngô Út N, Lê Minh T5 có số đo 90.75m;

+ Hướng nam giáp phần đất ông Huỳnh Văn D đang sử dụng (đường mương xỏ) có số đo 76.8m;

+ Hướng bắc giáp đất ông Lê Minh T5 số đo 73.1m;

(Theo bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp ngày 05/3/2023).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng; về áp dụng pháp luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn B trình bày: Bà P với ông B không có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và ông B không có nhận sổ tiền như bà P trình bày. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn B, buộc bà Huỳnh Thị P trả lại ông B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Buộc ông Nguyễn Quốc T2 và bà Huỳnh Thị T1 giao trả lại diện tích đất qua đo đạc thực tế là 6.321, 3m², đất tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu cho ông Huỳnh Văn B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy việc kháng cáo của bà Huỳnh Thị P là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị P; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc T2 có đơn xin vắng mặt, nên xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Phần đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế có vị trí và số đo tứ cạnh như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Huỳnh Văn D, có số đo 78,56m.

+ Hướng Tây giáp phần đất ông Lê minh T6, ông Ngô Út N, có số đo 90,75m.

+ Hướng Nam giáp đất ông Huỳnh Văn D đang quản lý, có số đo 76,80m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Lê Minh T5, có số đo 73,10m.

Diện tích: 6.321,3m², thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 9; đất tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Nguyên đơn bà P và người đại diện theo uỷ quyền của bà P xác định tháng 5 năm 1998, giữa bà P với ông B có thỏa thuận miệng chuyển nhượng đất 04 công, giá chuyển nhượng 10 lượng vàng 24k, qui thành tiền là 80.000.000 đồng. Bà P xác định đã trả tiền cho ông B hai lần, lần thứ nhất vào tháng 06 năm 1998 trả 20.000.000 đồng không có ai chứng kiến; lần thứ hai vào tháng 10 năm 1998 trả 60.000.000 đồng có bà Huỳnh Thị T1 là em ruột của ông B, bà P chứng kiến; việc trả tiền không có làm biên nhận. Tuy nhiên, ông B không thừa nhận có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và bà P và ông B không thừa nhận có nhận tiền từ bà P. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T1 xác định bà được bà P cho ở nhờ trên phần đất tranh chấp và khi bà P giao trả tiền cho ông B lần hai với số tiền 60.000.000 đồng, bà có chứng kiến.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, bà P khởi kiện ông B yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông B vào tháng 5 năm 1998, nhưng bà P không cung cấp được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không cung cấp được biên nhận đã giao tiền cho ông B, và từ năm 1998 đến nay bà P cũng không có quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp. Phía ông B thì không thừa nhận có việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và không thừa nhận có việc nhận tiền từ bà P. Đối với việc bà T1 xác định bà có chứng kiến bà P giao trả tiền cho ông B thì cũng chỉ là lời trình bày, không có chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P với ông B là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà P không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà P.

[6] Đối với yêu cầu phản tố của ông B yêu cầu bà P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện diện tích 7.000m², thuộc thửa số 0018, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Xét thấy, bà P thừa nhận hiện đang quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B. Việc bà P đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà P xác định sau khi thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại Ủy ban xã thì bà đã lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà P lại xác định do ông B giao cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Xét thấy, lời khai trình bày của bà P về việc bà giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B trước sau không thống nhất; đồng thời,

bà P cũng không có căn cứ chứng minh ông B đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P quản lý. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông B, thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông B. Việc bà P giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của ông B. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông B, buộc bà P giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là đúng quy định của pháp luật.

[8] Bà Huỳnh Thị T1 và ông Nguyễn Quốc T2 cùng xác định phần đất đang tranh chấp do ông, bà mượn đất để canh tác; hiện tại ông T2, bà T1 đang quản lý, sử dụng phần đất đang tranh chấp. Đối với các tài sản của bà T1, ông T2 có trên đất tranh chấp, bà T1 và ông T2 thống nhất tự nguyện di dời, không yêu cầu giải quyết. Do đó, buộc bà T1 và ông T2 di dời toàn bộ tài sản của bà T1, ông T2 trên đất và có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Văn B toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp.

[9] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị P; có căn cứ chấp nhận ý kiến trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Văn B và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DS-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật. Bà Huỳnh Thị P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 00010296 ngày 28/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải được chuyển thu án phí.

[11] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật; nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị P; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2024/DSST ngày 14 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P đối với ông Huỳnh Văn B về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Huỳnh Thị P với ông Huỳnh Văn B vào tháng 05 năm 1998.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn B. Buộc bà Huỳnh Thị P giao trả cho ông Huỳnh Văn B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H397758 do Ủy ban nhân dân huyện G (nay là huyện Đ), tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Huỳnh Văn B đối với diện tích đất 7000m² thuộc thửa số 0018, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc bà Huỳnh Thị T1, ông Nguyễn Quốc T2 tháo dỡ căn nhà ngang 4m, dài 4m xây dựng bằng cây gỗ địa phương, giao trả lại cho ông Huỳnh Văn B phần đất tranh chấp diện tích 6.321,3m² thuộc một phần thửa số 0018, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; đất có vị trí và số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Huỳnh Văn D đang sử dụng, có số đo 78,56m;

+ Hướng Tây giáp đất ông Ngô Út N, Lê Minh T5, có số đo 90,75m;

+ Hướng Nam giáp phần đất ông Huỳnh Văn D đang sử dụng (đường mương xỏ), có số đo 76,8m;

+ Hướng Bắc giáp đất ông Lê Minh T5, có số đo 73,1m.

(Theo bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp ngày 05/3/2023)

3. Chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ, lệ phí photo hồ sơ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5.618.903 đồng, bà Huỳnh Thị P phải chịu toàn bộ, bà Huỳnh Thị P đã dự nộp xong.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 đồng. Bà Huỳnh Thị P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009652 ngày 15/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 đồng. Bà Huỳnh Thị P đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 00010296 ngày 28/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đông Hải;
- CCTHADS H. Đông Hải;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng